

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2021
V/v: Không công nhận là vợ chồng
giữa Chị X và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;
2. Ông Nguyễn Tiến Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thông cảm cho nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và đề nghị giải quyết không công nhận giữa chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thúy Sang, sinh năm 1999. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2021 anh T trình bày thống nhất với chị X về thời gian chung sống và nguyên nhân mẫu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, chị X đề nghị giải quyết không công nhận giữa anh và chị X là vợ chồng, anh nhất trí.

Về con chung: Giữa anh và chị X có 01 con chung như chị X trình bày là đúng, cháu đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thông cảm và chia sẻ cùng nhau. Nay cả chị X và anh T đều cho rằng giữa hai người không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được và đều đề nghị giải quyết không công nhận là vợ chồng. Do vậy căn cứ các Điều 14, Điều

53 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết, không công nhận là vợ chồng giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị X và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thúy Sang, sinh năm 1999. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không công nhận là vợ chồng giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Văn T.
2. Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013329 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.
3. Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Chính

Nguyễn Thị Hoan

Tạ Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

